TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày: 07/3/2022

V/v "Tranh chấp mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Vân;
2. Bà Lê Thị Hồng Nhan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Trương Văn M, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: ấp T, xã M1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh Phan Văn D, sinh năn: 1989;

Địa chỉ: ấp N, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: chị Phạm Thị L, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: ấp T2, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: ấp T2, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Phan Văn D trình bày:

Từ năm 2016, ông M có hợp đồng miệng bán thức ăn chăn nuôi heo, gà, vịt với chị L, anh L1. Ban đầu chị L, anh L1 chăn nuôi heo, sau đó nuôi gà đến nuôi vịt. Khi mua bán hai bên thỏa thuận khi bán heo, gà, vịt thì trả tiền cho ông M theo từng lần bán, việc chăn nuôi này nhằm phát triển kinh tế gia đình.

Đến tháng 11/2020, do chị L, anh L1 nhiều lần bán gà nhưng không thanh toán

tiền thức ăn chăn nuôi cho ông M. Hai bên kết thúc việc làm ăn với nhau.

Ngày 07/02/2021, hai bên xác nhận nợ, xác định chị L, anh L1 còn nợ ông M số tiền là 1.639.471.000 đồng. Chị L đại diện cho gia đình ký tên xác nhận nợ.

Sau đó chị L có trả 02 lần tiền cho ông M, tổng số tiền của 02 lần trả là 80.000.000 đồng, hiện nay chị L, anh L1 còn nợ ông M số tiền 1.559.471.000 đồng.

Nay ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L, anh L1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông M số tiền thức ăn nuôi heo, gà, vịt còn thiếu là 1.559.471.000 đồng. Ông M không yêu cầu tính lãi.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị L thừa nhận chị với ông M có mua bán thức ăn nuôi heo, gà, vịt như anh D trình bày trên đây. Số tiền thức ăn nuôi heo, gà, vịt chị còn nợ của ông M là 1.559.471.000 đồng. Chị L đồng ý trả cho ông M số tiền này. Ông M không yêu cầu tính lãi chị cũng đồng ý. Chị L yêu cầu ông M cho chị được trả dần, 01 tháng trả một lần, mỗi lần là 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L1 trình bày:

Anh L1 là chồng của chị L. Anh thống nhất theo lời trình bày của chị L.

Tại phiên tòa, anh D đại diện cho ông M vẫn giữ yêu cầu khởi kiện nhưng đồng ý bớt cho chị L, anh L1 số tiền 59.471.000 đồng, chỉ yêu cầu chị L, anh L1 trả số tiền 1.500.000.000 đồng. Việc chị L, anh L1 yêu cầu được trả dần, do anh D không được ủy quyền nội dung này nên anh không có quyền quyết định. Chị L với anh L1 thương lượng với ông M tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 06/01/2022, ông Trương Văn M khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu giải quyết buộc chị L, anh L1 trả cho ông M số tiền 1.559.471.000 đồng. Ông M không yêu cầu tính lãi. Căn cứ yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430 Bộ luật dân sự. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu của ông M yêu cầu chị L, anh L trả số tiền 1.559.471.000 đồng:*

Theo anh D đại diện cho ông M trình bày, từ năm 2016, ông M có hợp đồng miệng bán thức ăn chăn nuôi heo, gà, vịt với chị L, anh L1. Hai bên thỏa thuận khi bán heo, gà, vịt thì chị L, anh L1 trả tiền cho ông M theo từng lần bán. Đến tháng 11/2020, do chị L, anh L1 nhiều lần bán gà nhưng không thanh toán tiền thức ăn chăn nuôi cho

ông M. Hai bên kết thúc việc làm ăn với nhau. Tính đến nay, chị L và anh L1 còn nợ của ông M số tiền thức ăn nuôi heo, gà, vịt là 1.559.471.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông M là tờ giấy không có tựa đề, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông M, chị L xác định có nợ của ông M số tiền 1.559.471.000 đồng. Chị L đồng ý trả cho ông M số tiền nợ nêu trên nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Chị L không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Xét thấy, tại bản tự khai ngày 16/01/2022, biên bản hòa giải ngày 16/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị L thừa nhận có nợ của ông M số tiền vợ chồng chị mua thức ăn nuôi heo, gà, vịt là 1.559.471.000 đồng. Lời thừa nhận của chị L là chứng cứ ông M không cần phải chứng minh. Yêu cầu của ông M yêu cầu chị L trả cho ông số tiền 1.559.471.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh D đại diện cho ông M chỉ yêu cầu chị L, anh L1 trả cho ông M số tiền 1.500.000.000 đồng, không yêu cầu chị L, anh L trả số tiền còn lại là 59.471.000 đồng nên ghi nhận. Cần buộc chị L có trách nhiệm trả lại cho ông M số tiền 1.500.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

Ông M không yêu cầu tính lãi nên được ghi nhận.

Ông M yêu cầu anh L1, là chồng của chị L, có trách nhiệm liên đới cùng trả cho ông số tiền nợ 1.500.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của ông M, chị L, anh L1 đồng ý. Cần buộc anh L1 phải có trách nhiệm liên đới cùng với chị L trả cho ông M số tiền 1.500.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu của chị L yêu cầu được trả dần số tiền nợ nêu trên mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, việc trả nợ và cách trả nợ là thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí:* chị L, anh L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 57.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 430 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Phạm Thị L với anh Nguyễn Văn L1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trương Văn M số tiền nợ là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm trăm triệu đồng).

Ghi nhận ông Trương Văn M không yêu cầu tính lãi.

Ghi nhận ông Trương Văn M không yêu cầu chị Phạm Thị L với anh Nguyễn Văn L1 trả số tiền còn lại là 59.471.000đ (Năm mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi mốt ngàn đồng.

2. Về án phí: chị Phạm Thị L với anh Nguyễn Văn L1 phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng).

Hoàn trả cho ông Trương Văn M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 29.392.000đ (Hai mươi chín triệu ba trăm chín mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004889 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung